TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2017/DS-PT
Ngày: 05-7-2017
V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Văn Be;

Ông Nguyễn Duy Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLDS-PT ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TC bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Số 272, tổ 13, ấp Thạnh P, xã Thạnh B, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Mộng T1**, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Số 257, tổ 12, ấp Tân L, xã Tân P huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Mộng T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/11/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 16/8/2016, bà có cho bà Phạm Thị Mộng T1 vay số tiền 518.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 05%/ tháng. Giấy vay tiền do bà T1 viết, ký tên và lăn tay. Sau khi bà T1 vay được tiền ngân hàng nhưng không trả tiền vay cho bà nên bà có đến đòi nợ nhiều lần và kéo dài cho đến nay.

Bà yêu cầu bà T1 phải trả tiền vốn gốc là 518.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 01%/ tháng, tính từ ngày 16/8/2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Phạm Thị Mộng T1 trình bày:

Giữa bà và bà Lê Thị T có mối quan hệ quen biết, nên trước đây bà có vay tiền của bà T nhiều lần và đã thanh toán xong. Thời gian cách nay khoảng một năm, bà có vay của bà T số tiền 400.000.000 đồng, khi vay bà viết giấy vay tiền và cùng với con tên Phạm Thị Ngọc Giàu ký tên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận 05%/ tháng, hẹn trong thời gian một tháng trả lại.

Sau khi vay tiền được 03 ngày, bà chuyển khoản qua Ngân hàng Vietcombank trả cho bà T được 200.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền 200.000.000 đồng còn lại, do vay ngân hàng không được nên không trả cho bà T, nhưng bà đóng tiền lãi đầy đủ hàng tháng được số tiền 140.000.000 đồng, sau đó bà ngưng đóng tiền lãi. Mỗi khi bà trả tiền thì bà T viết giấy nhận trên tờ giấy lịch giao cho bà. Ngày, tháng nào bà không nhớ cụ thể nhưng cách nay khoảng 04 tháng bà vay thêm của bà T 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 05%/ tháng, không hẹn thời gian trả. Khi vay bà viết giấy ký tên nhận nợ với bà T và cho đến nay bà chưa trả được nợ vay và tiền lãi. Do không có tiền đóng tiền lãi trong khoảng thời gian 04 tháng, nên bà T yêu cầu bà viết lại giấy nợ mới số tiền 518.000.000 đồng, thực tế bà chỉ nợ bà T 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 218.000.000 đồng là tiền lãi. Bà T1 xác nhận giấy nợ lập ngày 16/8/2016 là do bà viết và ký tên.

Bà chỉ đồng ý trả cho bà T 300.000.000 đồng tiền vốn, còn số tiền 218.000.000 đồng là tiền lãi nên xin không phải trả vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà cho rằng chỉ còn nợ tiền vay của bà T 100.000.000 đồng, nhờ bà T vay giùm của bà Thia 12.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng, tổng cộng 18.000.000 đồng, nên bà chỉ còn nợ bà T 118.000.000 đồng, số tiền còn lại là tiền lãi bà T tính 4.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tính từ ngày 02/7/2015 đến ngày 16/8/2016. Bà không đồng ý trả cho bà T số tiền 518.000000 đồng, mà chỉ đồng ý trả 118.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 06/3/2017 Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Buộc bà Phạm Thị Mộng T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền vay 518.000.000 đồng và tiền lãi 34.188.000 đồng. Tổng cộng 552.188.000 đồng (năm trăm năm mươi hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Về án phí: Bà Phạm Thị Mộng T1 phải chịu 26.087.500 đồng phí dân sự sơ thẩm (hai mươi sáu triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T 12.696.500 đồng (mười hai triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo hai biên lai thu số 0023412 ngày 29/8/2016 và số 0023645 ngày 04/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 17 tháng 3 năm 2017 bà Phạm Thị Mộng T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án, bà chỉ đồng ý còn nợ bà T số tiền 118.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự. Các bên đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Mộng T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét kháng cáo, nghe lời trình bày của đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 16/8/2016, bà Phạm Thị Mộng T1 có vay của bà Lê Thị T số tiền 518.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 05%/tháng, bà T1 viết "giấy mượn nợ" và lăn tay, ký tên (BL số 20). Đây là chứng cứ để bà T khởi kiện và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà T1 trả cho và T số tiền vốn

là 518.000.000 đồng và tính lãi suất 01%/tháng là đúng quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Bà T1 kháng cáo cho rằng trong số tiền 518.000.000 đồng thì tiền vốn là 218.000.000 đồng còn lại 300.000.000 đồng là tiền lãi và sau khi lập giấy nợ đã trả cho bà T được 100.000.000 đồng nhưng bà T1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có có sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo qui định tại Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024045 ngày 17/3/2017, bà T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng do đó bà T1 còn phải nộp thêm 100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Mộng T1;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DSST ngày 06/3/2017 Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc bà Phạm Thị Mộng T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền 552.188.000 đồng (năm trăm năm mươi hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng), trong đó tiền vay là 518.000.000 đồng và tiền lãi 34.188.000 đồng.

2. Phần án phí:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mộng T1 phải chịu 26.087.500 đồng phí dân sự sơ thẩm (hai mươi sáu triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T 12.696.500 đồng (mười hai triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo hai biên lai thu số 0023412 ngày

29/8/2016 và số 0023645 ngày 04/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Mộng T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng bà T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024045 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Bà T1 còn phải nộp 100.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các đương sự;
- Tòa DS ;
- Lưu HS;
- Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hữu Chiến